NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
VIETNAM - ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

VIETABANK

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

NĂM 2020

MỤC LỤC

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ 2
Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu 3
Điều 3. Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB 4
Điều 4. Thời hạn hoạt động 4
Điều 5. Người đại diện của VAB 4
Điều 6. Hình thức hoạt động 5
Điều 7. Mục tiêu hoạt động 5
Điều 8. Nội dung và phạm vi hoạt động 5
Điều 9. Góp vốn, mua Cổ phần 7
Điều 10. Bảo đảm an toàn trong hoạt động 8
Điều 11. Vốn điều lệ của VAB 8
Điều 12. Thay đổi Vốn điều lệ 8
Điều 13. Vốn hoạt động của VAB 9
Điều 14. Sử dụng vốn, tài sản 9
Điều 15. Bảo đảm an toàn vốn 10
Điều 16. Các loại Cổ phần 10
Điều 17. Tỷ lệ sở hữu Cổ phần 11
Điều 18. Cổ phiếu 12
Điều 19. Chứng chỉ chứng khoán khác 13
Điều 20. Chào bán Cổ phần 13
Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần 14
Điều 22. Thu hồi Cổ phần 15
Điều 23. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông 16
Điều 24. Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB 16
Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại 17
Điều 26. Thừa kế Cổ phần 17
Điều 27. Phát hành trái phiếu 17
Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý 18
Điều 29. Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông 18
Điều 30. Quyền của Cổ đông 19
Điều 31. Nghĩa vụ của Cổ đông VAB 22
Điều 32. Đại hội đồng Cổ đông 23

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông 23
Điều 34. Các đại diện được ủy quyền 25
Điều 35. Thay đổi các quyền 26
Điều 36. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông 27
Điều 37. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông 28
Điều 38. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông 28
Điều 39. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông 29
Điều 40. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông 30
Điều 41. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông 31
Điều 42. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông 32
Điều 43. Thể thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 34
Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 35
Điều 45. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông 37
Điều 46. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 38
Điều 47. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 38
Điều 48. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc 39
Điều 49. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ 40
Điều 50. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị 41
Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị 42
Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 44
Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị 45
Điều 54. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị 46
Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị 46
Điều 56. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị 47
Điều 57. Thư ký Hội đồng Quản trị VAB 48
Điều 58. Họp Hội đồng Quản trị 49
Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị 52
Điều 60. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản 53
Điều 61. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc 54
Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 55
Điều 63. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc 56
Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc 56
Điều 65. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc 57
Điều 66. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát 58

Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 59
Điều 68. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát 60
Điều 69. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát 61
Điều 70. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát 61
Điều 71. Tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát 62
Điều 72. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát 62
Điều 73. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 62
Điều 74. Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban kiểm soát 63
Điều 75. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát 66
Điều 76. Trách nhiệm cẩn trọng 66
Điều 77. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 66
Điều 78. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 67
Điều 79. Công khai lợi ích khác 68
Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB 69
Điều 81. Giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận 70
Điều 82. Quyền tiếp cận thông tin, kiểm tra sổ sách và hồ sơ 71
Điều 83. Người lao động và công đoàn 72
Điều 84. Trả cổ tức 72
Điều 85. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận 73
Điều 86. Trích lập các quỹ 73
Điều 87. Tài khoản ngân hàng 74
Điều 88. Chế độ tài chính 74
Điều 89. Năm tài chính 74
Điều 90. Hệ thống kế toán 74
Điều 91. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 75
Điều 92. Báo cáo thường niên 75
Điều 93. Báo cáo 75
Điều 94. Công khai báo cáo tài chính 76
Điều 95. Thông tin 76
Điều 96. Bảo mật thông tin 76
Điều 97. Kiểm toán độc lập 77
Điều 98. Bộ phận kiểm toán nội bộ 77
Điều 99. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ 77
Điều 100. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ 78
Điều 101. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách 78
Điều 102. Con dấu 79

Điều 103. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả 79
Điều 104. Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt 79
Điều 105. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi VAB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt 79
Điều 106. Khoản vay đặc biệt 80
Điều 107. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt 80
Điều 108. Giải thể và chấm dứt hoạt động 80
Điều 109. Gia hạn hoạt động 81
Điều 110. Thanh lý 81
Điều 111. Giải quyết tranh chấp nội bộ 82
Điều 112. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc 82
Điều 113. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ 83
Điều 114. Điều khoản thi hành 83

ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật, phục vụ nhân dân và các thành phần kinh tế, góp phần phát triển kinh tế của Việt Nam.

Điều lệ này bao gồm 22 Chương, 114 Điều, soạn thảo và ban hành theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan, phù hợp với hoạt động của VAB.

Điều lệ này được thông qua tại phiên họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông VAB, tổ chức vào ngày 20 tháng 06 năm 2020. Tất cả các bản Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á trước đây đều hết hiệu lực vào thời điểm bản Điều lệ này được ký ban hành. Các phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

1. **"VAB"** nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
2. **"Cổ đông"** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của VAB.
3. **"Cổ đông lớn" là** Cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 05% (Năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB.
4. **"Cổ đông sáng lập"** là cổ đông góp vốn thành lập tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của VAB.
5. **"Cổ phần"** là Vốn điều lệ của VAB được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
6. **"Cổ phiếu"** là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu của VAB có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.
7. **"Cổ tức"** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của VAB sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
8. **"Công ty con"** của VAB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
   a) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
   b) VAB có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
   c) VAB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con.
   d) VAB và người có liên quan của VAB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
9. **"Công ty liên kết"** của VAB là Công ty trong đó VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 11% (Mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (Mười một phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VAB.
10. **"Luật Các tổ chức tín dụng"** có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và các văn bản luật sửa đổi bổ sung Luật này.

11. **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2014 và các văn bản luật sửa đổi bổ sung Luật này.

12. **"Người có liên quan"** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.

13. **"Người điều hành VAB"** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành khác theo quy định về cơ cấu tổ chức của VAB.

14. **"Người quản lý VAB"** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định về cơ cấu tổ chức của VAB.

15. **"NHNN"** là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. **"Pháp luật"** có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.

17. **"Sổ đăng ký Cổ đông"** là một tài liệu bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc bằng cả hai hình thức là văn bản và dữ liệu điện tử có chứa các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN và các quy định pháp luật khác có liên quan.

18. **"Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị"** là thành viên của Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này.

19. **"Thời hạn hoạt động"** có nghĩa là khoảng thời gian mà VAB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi VAB chấm dứt hoạt động theo các quy định pháp luật có liên quan. VAB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định bằng văn bản của Đại hội đồng Cổ đông và sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN.

20. **"Tổ chức lại"** là việc VAB bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản".

21. **"Việt Nam"** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

22. **"Vốn điều lệ"** là vốn đã được các cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ VAB.

Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản, quy định sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật khác thay thế các quy định, văn bản pháp luật được dẫn chiếu.

2. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ, THỜI HẠN, HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA VAB

Điều 3. Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB

1. Tên của Ngân hàng:

   a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.

   b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Á.

   c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.

   d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VAB.

2. Trụ sở chính của VAB:

Địa chỉ: Số 34A và 34B, Phố Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 39 333 636 Fax: (84.4) 39 336 426

Website: www.vietabank.com.vn

3. VAB có quyền chuyển một hoặc một số bộ phận không giao dịch trực tiếp với khách hàng thuộc trụ sở chính sang địa điểm khác nằm ngoài trụ sở chính phù hợp với các điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. VAB được thành lập Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung và phạm vi hoạt động của VAB.

5. VAB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong và ngoài nước để hoạt động trong các lĩnh vực theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các mục tiêu của VAB phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của VAB là 99 (Chín mươi chín) năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. VAB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

Điều 5. Người đại diện của VAB

VAB có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.[1]

Người đại diện theo pháp luật của VAB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của VAB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình[2].

---

[1] Điều 12.1 Luật các TCTD năm 2010.
[2] Điều 12.2 Luật các TCTD năm 2010.

Điều 6. Hình thức hoạt động

1. VAB thuộc loại hình Ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Pháp luật.
2. VAB có con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
3. VAB áp dụng Bảng cân đối kế toán và trích lập các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu của VAB là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam với chất lượng dịch vụ hoàn hảo dựa trên hệ thống công nghệ hiện đại, lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn cao, tạo ra mức lợi nhuận cao nhất cho các Cổ đông, tạo việc làm ổn định và ngày càng phát triển cho người lao động, đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước, cho sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam và lợi ích của cộng đồng xã hội.
2. Lĩnh vực kinh doanh của VAB là hoạt động tài chính, ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
3. Định vị thương hiệu của VAB: Đồng hành cùng khát vọng.

Điều 8. Nội dung và phạm vi hoạt động[3]

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước;

3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a) Cung ứng phương tiện thanh toán;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

[3] Từ Điều 98 đến Điều 107 Luật các TCTD năm 2010.

5. Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

18. Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

19. Mua nợ.

20. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

21. Ví điện tử.

Điều 9. Góp vốn, mua Cổ phần[4]

1. VAB chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 9.2, Điều 9.3, Điều 9.4 và Điều 9.6 của Điều lệ này cũng như tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn.
2. VAB phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
   a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
   b) Cho thuê tài chính;
   c) Bảo hiểm.
3. VAB được thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản[5], kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. VAB được góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
   a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
   b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.
5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điều 9.2 và Điều 9.3 và việc góp vốn, mua Cổ phần của VAB theo quy định tại Điều 9.4.b phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.
6. Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của VAB thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. VAB, công ty con của VAB được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.
8. Trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Điều lệ này, Hội đồng Quản trị của VAB quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc VAB quyết định việc góp vốn, mua Cổ phần theo các hình thức nêu tại Điều này theo quy định của pháp luật.
9. VAB không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính VAB.
10. Hội đồng Quản trị được quyền ban hành quy định cụ thể hóa các nội dung liên quan đến góp vốn, mua Cổ phần, đầu tư ra ngoài VAB quy định tại Điều này, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế của VAB.

---

[4] Điều 103 Luật các TCTD năm 2010.
[5] Khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD

Điều 10. Bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, VAB phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN, thực hiện phân loại tài sản "Có" và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

PHƯƠNG THỨC GÓP, TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 11. Vốn điều lệ của VAB

1. Vốn điều lệ của VAB tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: **3.499.990.470.000 đồng** (Bằng chữ: Ba ngàn bốn trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng vốn điều lệ của VAB được chia thành 349.999.047 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/một Cổ phần.
2. Vốn điều lệ của VAB đã được các Cổ đông thực góp như ghi trong Điều lệ này của VAB.
3. Vốn điều lệ của VAB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
4. Trong quá trình hoạt động, VAB phải đảm bảo duy trì mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, VAB phải công bố công khai số vốn điều lệ mới.

Điều 12. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ của VAB phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Văn bản chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ của VAB có hiệu lực trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được NHNN chấp thuận, văn bản trên hết hiệu lực pháp lý.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
3. Sau khi đã hoàn tất việc thay đổi mức Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, VAB phải có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan thanh tra, giám sát) về kết quả thực hiện thay đổi mức vốn điều lệ.
4. Vốn điều lệ của VAB có thể được tăng từ các nguồn sau:
   a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
   b) Quỹ thặng dư vốn Cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
   c) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
   d) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

5. VAB có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau:
   a) VAB mua lại và hủy bỏ số lượng Cổ phần có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
   b) VAB thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm;
   c) Các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 13. Vốn hoạt động của VAB[6]

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:
   a) Vốn điều lệ;
   b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá ;
   c) Thặng dư vốn cổ phần;
   d) Các quỹ: quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
   e) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
   f) Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng.
2. Vốn huy động bao gồm:
   a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;
   b) Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong và ngoài nước;
   c) Vốn vay NHNN;
   d) Vốn huy động thông qua phát hành các giấy tờ có giá;
   e) Vốn nhận ủy thác đầu tư.
3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sử dụng vốn, tài sản[7]

1. VAB được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
2. VAB sử dụng vốn hoạt động để kinh doanh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.
3. VAB được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán. Tổ chức tín dụng VAB phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

---

[6] Điều 4 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.
[7] Điều 6 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP

4. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh của VAB được thực hiện theo quy định nội bộ của VAB và quy định pháp luật.

Điều 15. Bảo đảm an toàn vốn[8]

1. VAB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:

   a) Tỷ lệ khả năng chi trả;

   b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;

   c) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;

   d) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;

   e) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;

   f) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh[9].

2. VAB khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

3. Tổng số vốn của VAB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của VAB dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.

CHƯƠNG V

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 16. Các loại Cổ phần[10]

1. Mỗi Cổ phần của VAB có mệnh giá là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). Số lượng Cổ phần của VAB bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.

2. Toàn bộ Cổ phần của VAB vào ngày thông qua Điều lệ này là Cổ phần phổ thông.

3. VAB có Cổ phần phổ thông. Người sở hữu Cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.

4. VAB có thể có Cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi cổ tức là Cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng và chỉ được trả khi tổ chức tín dụng có lãi. Trường hợp VAB kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho Cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ

[8] Điều 130 Luật các TCTD

[9] Khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD

[10] Điều 52 Luật các TCTD.

thể và phương thức xác định cổ tức thường do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của Cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác của VAB không được mua Cổ phần ưu đãi cổ tức do VAB phát hành. Người được mua và số lượng Cổ phần ưu đãi cổ tức được mua do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành Cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
6. VAB luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 (Một trăm) Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp VAB được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc quy định của pháp luật[11].
7. VAB có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo trình tự và thủ tục phù hợp với các quy định của pháp luật.
8. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua Cổ phần của VAB theo hướng dẫn của NHNN và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Tỷ lệ sở hữu Cổ phần[12]

1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% (Năm phần trăm) vốn điều lệ của VAB.
2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% (Mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của VAB, trừ các trường hợp sau đây:
   a) Sở hữu cổ phần tại VAB trường hợp VAB được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của VAB tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 của Luật Các Tổ chức tín dụng;
   b) Sở hữu Cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật;
3. Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của VAB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác và ngược lại Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng khác và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% trở lên vốn điều lệ của VAB.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại Điều 17.1, Điều 17.2 và Điều 17.3 bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua Cổ phần.

---

[11] Khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD

[12] Điều 55 Luật các TCTD năm 2010;

5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu Cổ phần quy định pháp luật.

Điều 18. Cổ phiếu[13]

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc là bút toán ghi sổ hoặc là dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây[14]:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB, mã số doanh nghiệp;

   b) Số lượng Cổ phần và loại Cổ phần;

   c) Mệnh giá mỗi Cổ phần và tổng mệnh giá số Cổ phần ghi trên cổ phiếu;

   d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân/Số Chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập (nếu có) của Cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;

   e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;

   f) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của VAB;

   g) Số đăng ký tại sổ đăng ký Cổ đông của VAB và ngày phát hành cổ phiếu;

   h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi.

2. Quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu VAB không bị ảnh hưởng trong trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu phát hành do lỗi của VAB. Người đại diện theo pháp luật của VAB chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót nêu trên gây ra cho VAB.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Cổ đông được VAB cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

   a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác. Trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả VAB để tiêu hủy;

   b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

4. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10 (Mười) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của VAB có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác và sau 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đăng thông báo, chủ sở hữu cổ phiếu được phép đề nghị VAB cấp cổ phiếu mới.

---

[13] Điều 120 Luật Doanh nghiệp năm 2014.;
[14] Điều120 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

5. Cổ phiếu của VAB không được sử dụng để làm tài sản bảo đảm tại chính VAB.

6. Trong thời hạn tối đa 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phiếu hoặc trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày Cổ đông thanh toán đủ Cổ phần cam kết mua[15] (trường hợp VAB phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn) VAB có trách nhiệm phát hành cổ phiếu cho các Cổ đông.

Điều 19. Chứng chỉ chứng khoán khác[16]

Chứng chỉ chứng khoán của VAB được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, con dấu của VAB và các yếu tố khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chào bán Cổ phần[17]

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần trong số Cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

   a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;

   b) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở VAB;

   c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ VAB quy định khác.

2. Trường hợp VAB phát hành thêm Cổ phần phổ thông và chào bán số Cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ Cổ phần hiện có của Cổ đông tại VAB thì sẽ được thực hiện theo quy định sau đây:

   a) VAB phải thông báo bằng văn bản đến các Cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong sổ đăng ký Cổ đông chậm nhất 15 (Mười lăm) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua Cổ phần;

   b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân/Số Chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập (nếu có) của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và tỷ lệ Cổ phần hiện có của Cổ đông tại VAB; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số Cổ phần Cổ đông được quyền mua; giá chào bán Cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của VAB. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để Cổ đông đăng ký mua được Cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu Phiếu đăng ký mua do VAB phát hành;

   c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua Cổ phần của mình cho người khác;

---

[15] Điều 58 Luật các TCTD năm 2010.
[16] Điều 8 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
[17] Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 56 Luật các TCTD năm 2010.

d) Nếu Phiếu đăng ký mua Cổ phần không được gửi về VAB đúng hạn như thông báo thì Cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

e) Trường hợp số lượng Cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số Cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quản lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho Cổ đông của VAB hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc Cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần của VAB được coi là đã bán khi được người mua thanh toán đủ tiền mua và những thông tin về người mua quy định tại Điều 29.2 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua Cổ phần trở thành Cổ đông của VAB.

Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần[18]

1. Tất cả các Cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

2. Việc chuyển nhượng Cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng, Giấy tờ chuyển nhượng Cổ phần phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và VAB phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần đã chuyển nhượng và số Cổ phần còn lại. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VAB không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

4. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng Cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng Cổ phần theo quyết định của Tòa án;

[18] Điều 29 và Điều 56 Luật các TCTD năm 2010; Điều 126 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng Cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trường hợp chuyển nhượng Cổ phần của Cổ đông lớn, chuyển nhượng Cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành Cổ đông thường và ngược lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi chuyển nhượng[19].

6. Việc chuyển nhượng Cổ phần của VAB đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 22. Thu hồi Cổ phần[20]

1. Trường hợp Cổ đông thanh toán không đầy đủ và không đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo bằng văn bản và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VAB theo quy định của VAB.
2. Thông báo thanh toán nêu tại Điều 22.1 phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (Bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số Cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nếu trên không được thực hiện, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số Cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các Cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Điều 22.4, Điều 22.5 và Điều 22.6 và các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ Cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những Cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị nhưng không cao hơn lãi suất ngân hàng cùng kỳ hạn vào thời điểm thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ Cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

[19] Điều 29.1.đ Luật các TCTD năm 2010;
[20] Điều 10 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

Điều 23. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông[21]

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại Điều này.

2. VAB phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Điều này với giá do Hội đồng Quản trị quyết định trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VAB giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 24. Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB[22]

VAB có quyền mua lại không quá 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (Mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (Mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.3. Đối với Cổ phần loại khác, nếu Điều lệ VAB không quy định hoặc VAB và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. VAB có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong VAB. Trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của VAB phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho VAB.

   Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ Trụ sở chính của VAB trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. VAB chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

---

[21] Điều 129 Luật Doanh nghiệp năm 2014.
[22] Điều 130 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại[23]

1. Ngoài các điều kiện áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, VAB chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo Điều 23 và 24 Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại Cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VAB thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản.
2. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với VAB.
3. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều này được coi là Cổ phần chưa bán. VAB phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ phần được VAB mua lại trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
4. Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VAB giảm hơn 10% (Mười phần trăm) thì VAB phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

Điều 26. Thừa kế Cổ phần

1. Việc thừa kế Cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Bộ luật Dân sự, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Sau khi thực hiện xong tất cả các thủ tục thừa kế và xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh tư cách thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại Sổ đăng ký Cổ đông và trở thành Cổ đông của VAB, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của Cổ đông tính trên số Cổ phần mà họ được thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
3. Người thừa kế Cổ phần của Cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác không đương nhiên được thừa kế quyền nắm giữ các chức danh đó.

Điều 27. Phát hành trái phiếu[24]

VAB có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, nhưng phải tuân thủ các quy định dưới đây:

1. Không được quyền phát hành trái phiếu trong trường hợp không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đó, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

---

[23] Điều 131 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 57 Luật các TCTD năm 2010.
[24] Điều 127 Luật Doanh nghiệp năm 2014

2. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Trường hợp Điều lệ này không quy định khác thì HĐQT có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của HĐQT về phát hành trái phiếu.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của VAB bao gồm:
   a) Đại hội đồng Cổ đông;
   b) Hội đồng Quản trị;
   c) Ban Kiểm soát;
   d) Tổng Giám đốc.
2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy quản lý, điều hành với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của VAB trong từng thời kỳ để bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

CHƯƠNG VII

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 29. Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông[25]

1. VAB phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB;
   b) Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán và số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c) Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp;

[25] Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2014

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng Cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.

3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của VAB hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Xác lập danh sách Cổ đông:

a) VAB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông và phải đảm bảo Cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với VAB trước thời điểm nói trên;

b) Các giao dịch chuyển nhượng Cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì Người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác về việc dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Quyền của Cổ đông[26]

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VAB;

d) Được chuyển nhượng Cổ phần cho Cổ đông khác của VAB hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại Cổ phần cho VAB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VAB, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong Danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

[26] Điều 114,116,117 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 53 Luật các TCTD năm 2010.

h) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu tại VAB khi VAB giải thể hoặc phá sản sau khi VAB đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

i) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% (Mười phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (Sáu) tháng có thêm các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 30.3 này;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân/số chứng minh nhân dân/số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với tỷ lệ như sau:

- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% (Mười phần trăm) đến dưới 20% (Hai mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa một ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% (Hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% (Ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (Bốn mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% (Bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% (Năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (Sáu mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa năm ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% (Sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (Bảy mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% (Bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (Tám mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% (Tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (Chín mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử tối đa tám ứng cử viên;

Danh sách ứng cử viên phải được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn trong thông báo yêu cầu đề cử, ứng cử của Hội đồng Quản trị gửi đến trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông. Thời hạn lấy ý kiến các Cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá 06 (Sáu) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.

4. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân, số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây[27]:

a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại Điều lệ này;

b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào VAB, sau khi VAB đã thanh toán hết các khoản nợ, Cổ phần ưu đãi hoàn lại khi VAB giải thể hoặc phá sản;

c) Các quyền khác như Cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

[27] Điều 117.2 và Điều 117.3 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

6. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VAB trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày trong quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông;

   b) Số lượng Cổ phần, loại Cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại VAB;

   c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân/số Chứng minh nhân dân/số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

   d) Số Cổ phần được ủy quyền đại diện;

   e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

   f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

Điều 31. Nghĩa vụ của Cổ đông VAB[28]

1. Cổ đông của VAB phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

   a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

   b) Thanh toán đủ số Cổ phần cam kết mua trong thời hạn do VAB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi số vốn đã góp vào VAB;

   c) Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần phổ thông ra khỏi VAB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VAB, trừ trường hợp được VAB hoặc người khác mua lại Cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điều 31.1 thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong VAB phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại đã xảy ra;

   d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VAB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VAB; không được góp vốn, mua cổ phần của VAB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

   e) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của VAB;

[28] Điều 54 Luật các TCTD năm 2010; Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

h) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VAB dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VAB.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp VAB phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các Cổ phần, VAB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này[29].

Điều 32. Đại hội đồng Cổ đông[30]

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB.
2. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
3. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (Bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông có thể gia hạn thời hạn họp thường niên trong trường hợp pháp luật có quy định.
4. Cuộc họp ĐHĐCĐ chỉ diễn ra khi đảm bảo số lượng tối thiểu cổ đông tham dự theo quy định tại Điều 41 Điều Lệ này.
5. Quyết định của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo tỷ lệ quy định tại Điều 43 Điều Lệ này.
6. Địa điểm họp ĐHĐCĐ trên lãnh thổ Việt Nam, trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời tại nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định tại nơi chủ tọa tham dự họp.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông[31]

1. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của VAB;

b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB;

---

[29] Điều 54.2 Luật các TCTD năm 2010.
[30] Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2014;
[31] Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 59 Luật các TCTD năm 2010.

c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;

d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

e) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;

f) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

g) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VAB và cổ đông của VAB;

h) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của VAB;

i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới của từng loại cổ phần;

j) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;

l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của VAB;

m) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện quyền hạn nhiệm vụ được giao;

n) Quyết định thành lập, chuyển nhượng, giải thể và phá sản Công ty con;

o) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VAB;

p) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

q) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VAB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

r) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của VAB, công ty con, công ty liên kết của VAB;

s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VAB;

t) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Các hợp đồng quy định tại Điều 33.1 này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua Cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.

4. Trong khoảng thời gian giữa các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông VAB có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị VAB thực hiện một số nội dung công việc quy định tại Điều 33.1 và phải được ghi nhận rõ ràng trong Nghị quyết của một phiên họp Đại hội đồng Cổ đông. Các nội dung Hội đồng Quản trị thực hiện theo ủy quyền đề cập tại Điều 33.4 phải được báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong phiên họp gần nhất[32].

Điều 34. Các đại diện được ủy quyền[33]

1. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật. Nguyên tắc ủy quyền được áp dụng như sau:

a) Người được ủy quyền dự họp được ủy quyền lại bằng văn bản cho người thứ ba nếu được người ủy quyền đồng ý; văn bản ủy quyền lại phải có nội dung như văn bản ủy quyền lần đầu.

b) Người được ủy quyền hoặc người được ủy quyền lại không được ứng cử với tư cách của chính mình.

c) Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện, trường hợp không xác định rõ số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

d) Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông chỉ được ủy quyền cho 01 người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của VAB và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

---

[32] Do VAB tự quy định, căn cứ thực tiễn hoạt động và để đáp ứng yêu cầu phát triển của VAB.
[33] Điều 16 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với VAB).
4. Trừ trường hợp quy định tại Điều 34.3, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
   a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
   b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VAB nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 35. Thay đổi các quyền[34]

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) Cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại Cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

   Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (Hai) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (Một phần ba) giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (Ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.

   Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 36 và Điều 37 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc

[34] Điều 17 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VAB không bị thay đổi khi VAB phát hành thêm các Cổ phần cùng loại.

Điều 36. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông[35]

1. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để thảo luận, thông qua các vấn đề theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

   a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;

   b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn 05 (Năm) thành viên hoặc số thành viên của HĐQT không đủ 2/3 tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này hoặc bầu bổ sung thành viên HĐQT;

   c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn 03 (Ba) thành viên hoặc số thành viên không đủ 2/3 tổng số thành viên của nhiệm kỳ;

   d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này;

   e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

   f) Theo yêu cầu của NHNN[36];

   g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;

   h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và/hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điều 36.2.b hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 36.2.d và Điều 36.2.e Điều lệ này.

   Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VAB.

4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 36.3 thì trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

   Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VAB.

---

[35] Điều 59.1 Luật các TCTD năm 2010; Điều 136 Luật Doanh nghiệp năm 2014;
[36] Điều 60 Luật các TCTD năm 2010.

5. Trường hợp Ban Kiểm soát cũng không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 36.4 thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

   Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

6. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.

7. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 36.2, Điều 36.3 và Điều 36.4 sẽ được VAB hoàn lại.

Điều 37. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông[37]

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của VAB. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn 05 (Năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Người quản lý VAB phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký Cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.

Điều 38. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông[38]

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

---

[37] Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

[38] Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 18 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

a) Chuẩn bị danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp;

b) Xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội;

c) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông đến các Cổ đông có quyền dự họp;

d) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VAB chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại VAB, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 38.2 nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% (Mười phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất 06 (Sáu) tháng;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

d) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 38.2 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 38.3; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

5. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 39. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông[39]

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ

[39] Điều 139 Luật Doanh nghiệp năm 2014,.

đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của VAB, 01 (Một) tờ báo trung ương hoặc 01 (Một) tờ báo địa phương nơi VAB đóng trụ sở chính.

Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho VAB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong VAB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất 10 (Mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu có liên quan phải được công bố trên website của VAB đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông[40].

2. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

3. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các thông tin làm cơ sở thảo luận để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Trường hợp chương trình họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, thì trước khi tiến hành cuộc họp tối thiểu 30 ngày, Hội đồng Quản trị phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung, các điều kiện tiêu chuẩn đối với từng chức danh để cổ đông đề cử người tham gia tranh cử theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 40. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông[41]

1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

   a) Trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;

   b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (Một) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng Ban Kiểm phiếu của Đại hội đồng Cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;

[41] Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

c) Ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 30.6 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

d) *Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (theo thông báo mời họp của người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông).*

2. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng chỉ có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ phần đã chuyển nhượng khi VAB đã thực hiện xong thủ tục xác nhận việc chuyển nhượng Cổ phần và ghi tên người nhận chuyển nhượng vào Sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) có quyền kế thừa cổ phần hợp pháp thì cổ đông này gửi cho VAB các văn bản pháp lý chứng minh quyền kế thừa để VAB thực hiện các thủ tục xác định cổ đông, cổ phần và người có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

4. VAB có thể áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 41. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông[42]

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (Năm mốt phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (Ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập hủy bỏ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (Ba mươi ba phần trăm) Cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (Ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

---

[42] Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 19 Điều lệ mẫu cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC;

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

Điều 42. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông[43]

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, VAB phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị được ủy quyền hoặc là người được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp, các thành viên HĐQT có mặt sẽ bầu ra một người trong số họ điều khiển cuộc họp theo nguyên tắc đa số để bầu ra Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong số người tham dự phiên họp Đại hội đồng Cổ đông. Trong các trường hợp khác, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp. Người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

   Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

4. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.

6. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng:

   a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp;

   b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;

[43] Điều 142 Luật doanh nghiệp năm 2014; Điều 20 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (Ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều 42.6 Điều lệ này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của cuộc họp hoặc Thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.

10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

    a) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

    b) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp;

    c) Bố trí chỗ ngồi cho mọi người tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

    Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp Giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:

    a) Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của cuộc họp");

    b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;

    c) Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Hàng năm, VAB tổ chức Đại hội đồng Cổ đông ít nhất 01 (Một) lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 43. Thể thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông[44]

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đại hội đồng Cổ đông sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (Ba) người.

3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, VAB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Phiếu biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ phản đối nghị quyết và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản đối hoặc không có ý kiến không hợp lệ đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, phiếu không hợp lệ và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp.

4. Quyết định về các vấn đề quy định tại các Điều 33.1.a, Điều 33.1.d, Điều 33.1.g và Điều 33.1.o. Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

5. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây[45]:

   a) Trừ trường hợp quy định tại Điều 43.5.b, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 51% (Năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;

   b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại Điều 33.1.b, Điều 33.1.i, Điều 33.1.o và Điều 33.1.q Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;

6. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan (là một bên trong giao dịch, hợp đồng với VAB) không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có trên 51% (Năm mươi mốt phần trăm) hoặc trên 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại Điều 43.5.a và Điều 43.5.b.

7. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản

---

[44] Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 59.3.a Luật các TCTD năm 2010.
[45] Điều 59.3.b và Điều 59.3.c Luật các TCTD năm 2010;

trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Điều lệ này.

8. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% (Một trăm phần trăm) số vốn Cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng Cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hoặc chưa đồng ý kiến. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua[46] hoặc nghị quyết sẽ được thông báo bằng cách đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.

Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông[47]

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB, trừ các trường hợp quy định tại Điều 33.1.a, Điều 33.1.d, Điều 33.1.g và Điều 33.1.o Điều lệ này.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của VAB. Danh sách này được lập không sớm hơn 05 (Năm) ngày trước ngày gửi Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo[48].

   Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên lạc khác mà Cổ đông đã đăng ký trước với VAB) của từng Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (Mười) ngày trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB;

---

[46] Điều 144.5 Luật Doanh nghiệp năm 2014;
[47] Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 22 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
[48] Điều 137.1 và Điều 145.2 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân/số Chứng minh nhân dân/số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về VAB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của VAB.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến gửi về VAB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VAB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VAB. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của VAB, người giám sát kiểm phiếu và của các thành viên trong Ban Kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và các thành viên trong Ban Kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.

7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước[49].

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện trên 51% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận; trừ trường hợp lấy ý kiến đối với vấn đề tại Điều 33.1.b, Điều 33.1.i và Điều 33.1.q Điều lệ này thì trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông[50].

Điều 45. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông[51]

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của VAB và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

   b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;

   c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

   d) Chủ tọa và Thư ký;

   e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

   f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

   g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;

   h) Các nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

   i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

---

[49] Điều 61 Luật các TCTD năm 2010.
[50] Điều 22.9 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
[51] Điều 146 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 23 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.

5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB.

Điều 46. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông[52]

1. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước[53].

3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác hoặc sẽ được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% (Một trăm phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 47. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông[54]

1. Trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Điều 47.2.

2. Các trường hợp có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:

   a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp quy định tại Điều 46.4 Điều lệ này;

---

[52] Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2014;
[53] Điều 61 Luật các TCTD năm 2010;
[54] Điều 147 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 24 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VAB.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 30 (Ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 48. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc[55]

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu khoảng thời gian bằng thời hạn gửi Danh sách đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho NHNN cộng với thời hạn lấy ý kiến cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị VAB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.

2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.

3. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.

4. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được NHNN chấp thuận tại Điều 48.2. VAB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.

[55] Điều 51 Luật các TCTD năm 2010;.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông bầu vào các chức danh này. Các thành viên trên tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.

6. Trong thời hạn tối đa 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát, VAB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên[56].

7. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 (Mười) ngày làm việc, kể từ ngày bổ nhiệm[57].

Điều 49. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ[58]

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của VAB:

   a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của VAB;

   b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của VAB hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng đó;

   c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VAB không được đồng thời là Người điều hành của VAB và của tổ chức tín dụng khác;

   d) Chủ tịch Hội đồng quản trị của VAB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác;

2. Thành viên Ban Kiểm soát:

   a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành, nhân viên của VAB hoặc công ty con của VAB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của VAB là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là Cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

   b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại VAB;

   c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

---

[56] Điều 51 Luật các TCTD năm 2010;
[57] Điều 48.1 và Điều 51 Luật các TCTD năm 2010;
[58] Điều 34 Luật các TCTD năm 2010.

3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là công ty con của VAB.

4. Tổng Giám đốc của VAB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

5. Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

CHƯƠNG IX

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị[59]

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (Một) thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 1/2 (Một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành VAB.

3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (Một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (Năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

---

[59] Điều 43 và Điều 62 Luật các TCTD năm 2010

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán[60].
8. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
9. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
10. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN. Nhiệm vụ Ủy ban Nhân sự bao gồm các công việc liên quan đến chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và nhiệm vụ khác khác theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự. Tổ chức hoạt động của các Ủy ban trên được quy định cụ thể trong các Quy chế của VAB.

Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị[61]

1. Thông qua phương án huy động vốn.
2. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch kinh doanh của công ty con VAB theo quy định pháp luật.
3. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
5. Quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB..
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị, và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
7. Thông qua phương án góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
8. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

---

[60] Khoản 4 Điều 26 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC;
[61] Điều 63 Luật các TCTD năm 2010; Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB từ 10% (Mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB quy định tại Điều 33.1.q Điều lệ này.

10. Quyết định các khoản cấp tín dụng như sau

    a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Điều 127.3 và Điều 128.7 của Luật Các tổ chức tín dụng.

    b) Các khoản cấp tín dụng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc phê duyệt cấp tín dụng trong trường hợp này đảm bảo phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

11. Thông qua các hợp đồng của VAB với công ty con, công ty liên kết của VAB; các hợp đồng của VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.

13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VAB phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.

14. Ban hành, sửa đổi, bổ sung và quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VAB.

15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên báo cáo tài chính;

16. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

17. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

18. Quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán.

19. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VAB.

20. Quyết định mua lại Cổ phần của VAB.

21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

22. Quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của VAB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính[62].

23. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

24. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

25. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.

26. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

27. Trừ các hợp đồng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh).Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng.

28. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty thành viên độc lập thuộc VAB.

29. Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác[63].

30. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc[64].

31. Phê duyệt Kế hoạch vốn của VAB[65].

32. Ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với các chức danh tại VAB (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ).[66]

33. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).

Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị[67]

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.

---

[62] Khoản 1 Điều 42.1 Luật các TCTD năm 2010

[63] Điều 12.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

[64] Điều 26.1.b Thông tư 13/2018/TT-NHNN

[65] Điều 61.2 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

[66] Điều 15.3 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

[67] Điều 64 Luật TCTD 2010; Điều 152 Luật Doanh nghiệp năm 2014

2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị.
6. Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (Một) lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt tại trụ sở VAB hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được hoặc các trường hợp khác nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị được ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng Quản trị hoặc thành viên trong các Ủy ban do Hội đồng Quản trị thành lập để thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số..
11. Thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
12. Có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của VAB, báo cáo kiểm toán và báo cáo khác thuộc trách nhiệm của HĐQT.
13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ củaVAB (nếu có).

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị[68]

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của VAB và Cổ đông.
2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

[68] Điều 65 Luật các TCTD năm 2010

3. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
4. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
5. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 55 và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện.
7. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
8. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
9. Yêu cầu Người điều hành, Người quản lý cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB nhằm thực hiện nhiệm vụ quản trị của mình.
10. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 54. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị[69]

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của VAB.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VAB, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do VAB thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của VAB.

Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị[70]

---

[69] Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2014;
[70] Điều 151 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 50 Luật các TCTD năm 2010.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các Tiêu chuẩn sau đây:
   c) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
   d) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp.
   e) Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết pháp luật;
   f) Là cá nhân có bằng đại học trở lên;
   g) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại Điều 55.1 phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau[71]:
   a) Không phải là người đang làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB hoặc đã làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB trong 03 (Ba) năm liền kề trước đó;
   b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
   c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của VAB hoặc công ty con của VAB;
   d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 01% (Một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB;
   e) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (Năm) năm liền kề trước đó.

Điều 56. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị[72]

1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
   a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
   b) Vi phạm quy định tại Điều 33 Luật các TCTD 2010 về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

[71] Điều 50.2 Luật các TCTD năm 2010;
[72] Điều 35 và Điều 36 Luật các TCTD năm 2010;

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

d) Khi có quyết định của Tòa án trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

e) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép hoạt động;

2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp[73]:

a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị của VAB;

c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (Sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 55 Điều lệ này.

e) Không đảm bảo tính độc lập đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;

f) Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị xin từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị mới lên thay theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch đương nhiên mất tư cách thành viên hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Hội đồng Quản trị bầu một trong số các thành viên còn lại tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch trong thời hạn chậm nhất 10 (Mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.

4. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị không đủ 2/3 (Hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ so với số thành viên được quy định tại Điều lệ này, Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên không đủ số lượng theo quy định.

Điều 57. Thư ký Hội đồng Quản trị VAB[74]

Hội đồng Quản trị chỉ định 01 (Một) hoặc nhiều người làm Thư ký với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm.

Thư ký VAB phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký VAB không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VAB. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký VAB bao gồm:

a) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

c) Tham dự các cuộc họp;

---

[73] Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2014;

[74] Điều 152.5 Luật Doanh nghiệp 2014.

d) Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký VAB có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VAB;

f) Ghi chép các biên bản họp;

g) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

h) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

i) Hỗ trợ VAB trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Điều 58. Họp Hội đồng Quản trị[75]

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của VAB hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể bằng hình thức họp mặt hoặc họp qua điện thoại (teleconference) hoặc họp qua video (video conference).

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị lên kế hoạch triệu tập các cuộc họp quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự cho cuộc họp, ấn định thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (Năm) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (Một) lần.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

   a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;

   b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (Năm) Người quản lý khác;

   c) Có đề nghị của ít nhất 02 (Hai) thành viên điều hành của Hội đồng Quản trị.

   Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề

[75] Điều 149 và Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 49 Nghị định số 59/2009/NĐ-CP.

nghị theo quy định tại Điều 58.4. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

6. Hội đồng Quản trị có quyền ban hành quy định nội bộ về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại VAB. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp 01 (Một) ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu liên quan có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

   Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (Ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (Một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên dự họp.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Việc biểu quyết của người được ủy quyền tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

12. Biểu quyết[76]:

a) Trừ quy định tại Điều 58.11, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của VAB. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách đầy đủ.

d) Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ VAB gây thiệt hại cho VAB thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho VAB; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của VAB liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

e) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 77.4.a và Điều 77.4.b Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

15. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

[76] Điều 30.12 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

16. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

17. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị[77]

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

   b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

   c) Thời gian, địa điểm họp;

   d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

   e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

   f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

   g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

   h) Các quyết định đã được thông qua;

   i) Họ tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu

[77] Điều154.1 và Điều 154.2 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

4. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

5. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của VAB.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ khi chuyển đi[78].

Điều 60. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được quyền ủy quyền, phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký Phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị trước khi thực hiện việc lấy ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

2. Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB;

   b) Mục đích lấy ý kiến;

   c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;

   d) Vấn đề cần lấy ý kiến;

   e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

   f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VAB;

   g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về VAB theo quy định của VAB.

5. Thư ký Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

---

[78] Điều 30.15 Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC;

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Văn phòng Hội đồng Quản trị là đơn vị có trách nhiệm bảo quản và lưu giữ các tài liệu này.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG X

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 61. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc[79]

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của VAB, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho VAB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho VAB.

2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và

[79] Điều 157 và Luật Doanh nghiệp 2014; Điều 49 Luật các TCTD năm 2010;

trách nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Bộ luật lao động, quy định của NHNN và các quy định của pháp luật.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 (Năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Lương, trợ cấp, các khoản bồi thường (nếu có) và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông của VAB và ghi tại Báo cáo tài chính của VAB.
5. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.
6. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VAB theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
7. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc[80]

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của VAB .
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VAB.
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VAB.
5. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
6. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
7. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
8. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
9. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của VAB.
10. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
11. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của VAB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

---

[80] Điều 49 Luật các TCTD năm 2010; Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

12. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của VAB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
14. Ký kết hợp đồng nhân danh VAB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của VAB.
15. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền.
16. Trình HĐQT quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
17. Trường hợp được HĐQT ủy quyền, Tổng giám đốc được quyết định về các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.
18. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 63. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc[81]

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan, phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VAB và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc[82]

1. Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
   a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
   b) Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
   c) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; Có ít nhất 05 (Năm) năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (Năm) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 (Mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
   d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết luật pháp;
   e) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

[81] Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2014;
[82] Điều 65 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 50 Luật các TCTD năm 2010.

2. Phó Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

   a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 64.1.a, Điều 64.1.d và Điều 64.1.e;

   b) Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng;

   c) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nếu trên nhưng có ít nhất 03 (Ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

Điều 65. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc[83]

1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:

   a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b Điều lệ này;

   b) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

   c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

   d) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

   e) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;

   f) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;

   g) Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

   h) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

   a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

   b) Không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b, Điều 64.1.c, Điều 64.1.d và Điều 64.1.e Điều lệ này.

   c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của VAB;

   d) Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

   e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 01 (Một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có Quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động VAB để đảm bảo VAB hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra,

[83] Điều 35 và Điều 36 Luật các TCTD năm 2010.

giám sát và NHNN chi nhánh). Người được cử điều hành VAB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này. Trong thời hạn tối đa 60 (Sáu mươi) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định pháp luật .

CHƯƠNG XI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 66. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát[84]

1. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 03 (Ba) thành viên trong đó phải có ít nhất 1/2 (Một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách; không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại VAB hoặc doanh nghiệp khác.

   Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của VAB và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VAB. Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 (Một) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

   Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (Năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (Hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này hoặc không đảm bảo có ít nhất 01 (Một) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên thì trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, VAB phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát.

---

[84] Điều 44 Luật các TCTD năm 2010,

6. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát[85]

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VAB trong quản trị, điều hành VAB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
5. Thẩm định báo cáo tài chính 06 (Sáu) tháng đầu năm và hàng năm của VAB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
7. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện Người quản lý VAB có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
8. Lập danh sách Cổ đông sáng lập, Cổ đông lớn, những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VAB, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

---

[85] Điều 45 Luật các TCTD năm 2010; Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

9. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định của pháp luật.
10. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ này.
11. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của VAB.
12. Định kỳ hàng năm, Ban kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
13. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của VAB, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông.
14. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 68. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát[86]

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 67 Điều lệ này.
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.

[86] Điều 46 Luật các TCTD năm 2010;

10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 69. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát[87]

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của VAB và Cổ đông.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của VAB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 70. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát[88]

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do VAB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VAB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của VAB trong giờ làm việc.

---

[87] Điều 47 Luật các TCTD năm 2010.
[88] Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VAB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 71. Tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát[89]

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập ở mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VAB.

Điều 72. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát[90]

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Có đạo đức nghề nghiệp;
2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (Ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải người có liên quan của người quản lý VAB;
5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
6. Có đạo đức nghề nghiệp.

Điều 73. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát[91]

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:
   a) Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 72.2 Điều lệ này;
   b) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

---

[89] Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2014;
[90] Điều 164 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 50 Luật các TCTD năm 2010.
[91] Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

d) Khi có quyết định của Tòa án trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

e) Tư cách là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;

f) VAB bị thu hồi giấy phép.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 72.2, Điều 72.3, Điều 72.4 và Điều 72.5 Điều lệ này;

c) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong vòng 06 (Sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Có đơn xin từ chức (trong đó nếu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trong thời hạn tối đa 15 (Mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thay thế.

5. Hội đồng quản trị của VAB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 74. Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp BKS đầu tiên của nhiệm kỳ BKS để bầu Trưởng BKS và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết

thúc bầu cử BKS nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên BKS có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số 01 (một) người trong số họ triệu tập họp BKS.

2. Cuộc họp:

a) Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (Một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát theo đề nghị của:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- Tổng Giám đốc;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Ít nhất hai thành viên Ban kiểm soát trở lên;
- Giám đốc Chi nhánh NHNN.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi VAB đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đủ điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát và gửi thông báo tới NHNN theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

c) Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 05 (Năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (Một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

d) Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (Hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian

không quá 15 (Mười lăm) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần đầu không thể tổ chức do không đủ số thành viên tham dự. Sau 02 (Hai) lần triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát không có đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (Ba mươi) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần hai để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

e) Biểu quyết:

- Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất trên ½ (Một phần hai)số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên được Ban kiểm soát ủy quyền làm Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).

3. Lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:

- Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất trên ½ (Một phần hai) số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp ban kiểm soát.

b) Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Điều 75. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

1. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 81 và Điều 77.4 Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

2. Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với VAB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát để xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không. Nếu sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

CHƯƠNG XII

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC[92]

Điều 76. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban, Hội đồng của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của VAB và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 77. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VAB vì mục đích cá nhân. Đồng thời, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của VAB mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. VAB không cấp tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, kể cả các khoản cấp tín dụng nêu trên đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa VAB với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên

[92] Chương X Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

quan đến họ hoặc VAB, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây[93]:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (Hai mươi phần trăm) của vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này theo đúng tỷ lệ quy định tại Điều lệ này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của VAB vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VAB hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 78. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn cần thiết phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. VAB bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VAB là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được VAB ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VAB với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của VAB với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của VAB, trên cơ sở

[93] Khoản 5 Điều 40 Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của VAB, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của VAB được VAB bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do VAB là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của VAB;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VAB có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 79. Công khai lợi ích khác[94]

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của VAB phải công khai với VAB các thông tin sau đây:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, Cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% (Năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên;

   b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

2. Việc công khai thông tin quy định tại Điều 79.1 và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Việc công khai thông tin quy định tại Điều 79.1 phải được thông báo định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VAB đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban

[94] Điều 159.5 Luật Doanh nghiệp 2014; Điều 39 Luật các TCTD năm 2010.

Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VAB.

5. VAB phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin công khai theo quy định Điều 79.1 này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày VAB nhận được thông tin công khai theo quy định tại Điều 79.2 này.

6. Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau[95]:

   a. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

   b. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB[96]

1. Quyền của người quản lý, người điều hành VAB:

   a) Được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;

   b) Được tham gia quản lý, điều hành hoạt động của VAB trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của VAB và quy định của pháp luật có liên quan;

   c) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định của VAB và quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB.

   a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ VAB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

   b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của VAB, Cổ đông của VAB;

   c) Trung thành với lợi ích của VAB và Cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VAB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VAB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại đến lợi ích của VAB và Cổ đông VAB;

---

[95] Điều 32 Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

[96] Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 38 Luật các TCTD năm 2010.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VAB về quyền lợi của mình có được ở các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của VAB và chỉ tham gia khi giao dịch đó được Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận;

e) Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của VAB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của VAB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN;

f) Không được cạnh tranh bất hợp pháp với VAB hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của VAB;

g) Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của VAB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn, so với quy định chung của pháp luật và của VAB;

h) Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi VAB bị lỗ;

i) Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

j) Các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 81. Giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận[97]

1. Hợp đồng, giao dịch giữa các VAB với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 126 và Điều 127 Luật các Tổ chức tín dụng):

   a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 05% (Năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông của VAB và những người có liên quan của họ;

   b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

   c) Doanh nghiệp quy định tại Điều 79.1.a và Điều 79.1.b Điều lệ này và Người có liên quan của Người quản lý VAB;

   d) Công ty con, công ty liên kết của VAB.

2. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại Điều 81.1 có giá trị trên 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện của VAB ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng tại cuộc Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện trên 51% (Năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp được quyền biểu quyết/lấy ý kiến bằng văn bản còn lại đồng ý.

[97] Điều 162 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 59.2 và 63.10 Luật các TCTD năm 2010.

3. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại Điều 81.1 có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện VAB để ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

   Hợp đồng nêu tại Điều 81.1 được ký kết, thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 81.2 và Điều 81.3, thì hợp đồng đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Các đối tượng có liên quan nêu tại Điều 81.1 và các cá nhân phía VAB tham gia quyết định, ký kết, thực hiện các hợp đồng này phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VAB các khoản lợi ích thu được từ việc thực hiện các hợp đồng đó.

CHƯƠNG XIII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ[98]

Điều 82. Quyền tiếp cận thông tin, kiểm tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 30.2 có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của VAB danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của VAB, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VAB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. VAB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ này được công bố trên website của VAB.

---

[98] Điều 42 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC;

CHƯƠNG XIV

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 83. Người lao động và công đoàn[99]

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của VAB với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VAB và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XV

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 84. Trả cổ tức[100]

1. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của VAB. VAB chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi VAB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VAB và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VAB vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của VAB.
4. VAB không trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của Cổ đông tại VAB.
5. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do VAB khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, VAB sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì VAB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

---

[99] Điều 43 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
[100] Điều 132 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

7. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi VAB đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu VAB đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì VAB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

8. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các Cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những Cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của VAB. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho Cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại Cổ phần ưu đãi.

10. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (Ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 (Mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên VAB; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Số Chứng minh nhân dân/Số căn cước công dân/Số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng Cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của VAB.

11. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ VAB.

12. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Điều 85. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 86. Trích lập các quỹ[101]

[101] Điều 21 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP;

1. Lợi nhuận của VAB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:
   a. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
   b. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
   c. Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của VAB.
   d. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.
   e. Lợi nhuận còn lại được phân phối tiếp cho việc trích vào các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ chia cổ tức.... do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.
7. Các vấn đề liên quan đến việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.

CHƯƠNG XVI

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 87. Tài khoản ngân hàng

1. VAB mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, VAB có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. VAB tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VAB mở tài khoản.

Điều 88. Chế độ tài chính

Chế độ tài chính của VAB được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 89. Năm tài chính

Năm tài khóa của VAB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 90. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán VAB sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. VAB lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. VAB sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà VAB tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của VAB.

3. VAB sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XVII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 91. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. VAB phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của VAB trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VAB tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của VAB, tại trụ sở chính của VAB và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 92. Báo cáo thường niên

VAB phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 93. Báo cáo[102]

1. VAB phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN và Ủy ban Chứng Khoán. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của VAB chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
2. Ngoài các báo cáo quy định tại Điều 93.1, VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:
   a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VAB;
   b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của VAB.
   c) Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
3. Công ty con, Công ty liên kết của VAB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.

---

[102] Điều 141 Luật các TCTD năm 2010.

4. Trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VAB phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

5. VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các quy định về công bố thông tin của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và của Ủy ban chứng khoán hướng dẫn công ty đại chúng công bố thông tin.

Điều 94. Công khai báo cáo tài chính

1. Trong thời hạn 120 (Một trăm hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VAB phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật[103].

2. Trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, VAB phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định khác có liên quan của pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng.

Điều 95. Thông tin[104]

1. VAB phải thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản tại VAB cho chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

2. VAB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của VAB.

3. VAB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp cho NHH các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với VAB theo quy định của NHNN.

4. VAB có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung và các quy định khác có liên quan của pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng.

Điều 96. Bảo mật thông tin[105]

1. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của VAB và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của VAB.

2. VAB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại VAB.

3. VAB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch khác của khách hàng tại VAB cho tổ chức, các nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XVIII

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ[106]

---

[103] Điều 143 Luật các TCTD năm 2010;
[104] Điều 13 Luật các TCTD năm 2010;
[105] Điều 14 Luật các TCTD năm 2010;

MỤC 1

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 97. Kiểm toán độc lập[107]

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, VAB phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, VAB phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. VAB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
4. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.[108]

Điều 98. Bộ phận kiểm toán nội bộ[109]

1. Kiểm toán nội bộ của VAB được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong VAB; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc VAB.

Điều 99. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ[110]

Ban Kiểm soát bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

MỤC 2

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

---

[106] Thông tư số 44/2011/TT-NHNN;
[107] Điều 42 Luật các TCTD năm 2010;
[108] Điều 50.4 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC;
[109] Điều 41 Luật các TCTD năm 2010;
[110] Điều 14 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN;

Điều 100. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ

1. VAB phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của VAB.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VAB được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.

3. Hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB phải bảo đảm các yêu cầu sau đây[111]:

   a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

   b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;

   c) Mọi hoạt động của VAB đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ;

   d) Kiểm soát xung đột lợi ích; phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm;

   e) Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cá nhân, bộ phận đối với kiểm soát nội bộ để xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát của VAB.

4. Các đơn vị kiểm soát nội bộ của VAB phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Điều 101. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách[112]

1. Tùy theo quy mô, mức độ, phạm vi và đặc thù hoạt động của mình, VAB tự xem xét, quyết định thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc. Trong mọi trường hợp dù có hay không có bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, VAB phải thiết lập, duy trì, tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo các quy định của NHNN.

2. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của VAB; giúp Tổng Giám đốc thực hiện việc tự kiểm tra để tổng hợp, rà soát, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện, ngăn ngừa và kịp thời kiến nghị xử lý những tồn tại, sai phạm trong mọi hoạt động nghiệp vụ, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, đảm bảo VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

---

[111] Điều 14.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN

[112] Điều 6 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN;

CHƯƠNG XIX

CON DẤU

Điều 102. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định và thông qua con dấu chính thức của VAB. Con dấu của VAB sẽ được khắc, đăng ký theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành quy định về mẫu dấu, số lượng con dấu, quản lý và sử dụng con dấu của VAB theo quy định pháp luật và VAB.

CHƯƠNG XX

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ THANH LÝ

MỤC 1

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT[113]

Điều 103. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả

Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, VAB phải báo cáo ngay với NHNN về thực trạng tài chính, nguyên nhân và biện pháp đã áp dụng, biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục.

Điều 104. Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Số lỗ lũy kế của VAB lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
3. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định của pháp luật trong thời gian 12 (Mười hai) tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% (Bốn phần trăm) trong thời gian 06 (Sáu) tháng liên tục.
4. Xếp hạng yếu kém trong 02 năm liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 105. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi VAB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt;
2. Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

---

[113] Mục 1 Chương VIII Luật các TCTD năm 2010.

3. Tiếp tục quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động và bảo đảm an toàn tài sản của ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật trừ trường hợp bị đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát ngân hàng.
4. Thực hiện yêu cầu của Ban Kiểm Soát đặc biệt, NHNN theo quy định của pháp luật.

Điều 106. Khoản vay đặc biệt

1. VAB được vay đặc biệt của NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác trong các trường hợp sau đây:
   a) Để hỗ trợ thanh khoản khi VAB có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian VAB được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp VAB đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;
   b) Để hỗ trợ phục hồi theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của VAB trong trường hợp sau đây:
   a) Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;
   b) Khi giải thể, phá sản tổ chức tín dụng.

Điều 107. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt

Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với VAB khi được kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. VAB khắc phục được tình trạng dẫn đến việc bị đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật;
2. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, VAB được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể;
3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản đối với VAB.

MỤC 2

PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ[114]

Điều 108. Giải thể và chấm dứt hoạt động[115]

1. VAB giải thể và chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

[114] Mục 2 Chương VIII Luật các TCTD năm 2010;
[115] Từ Điều 201 đến Điều 205 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 153 Luật các TCTD năm 2010;

a. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

b. Hết thời hạn hoạt động nhưng không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

c. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

d. VAB không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (Sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. VAB chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và được NHNN chấp thuận theo quy định pháp luật.

Điều 109. Gia hạn hoạt động[116]

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất 07 (Bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của VAB theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 110. Thanh lý[117]

1. Tối thiểu 06 (Sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của VAB hoặc sau khi có một quyết định giải thể, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (Ba) thành viên. 02 (Hai) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và 01 (Một) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên VAB hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được VAB ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VAB.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt VAB trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VAB trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

---

[116] Điều 53 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC;
[117] Điều 54 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

a. Các khoản chi phí thanh lý, lương, trợ cấp cho người lao động, khoản nợ, thuế và các khoản chi phí khác với thứ tự ưu tiên theo quy định pháp luật;

b. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ tại mục (a) trên đây được phân chia cho các Cổ đông. Các Cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XXI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 111. Giải quyết tranh chấp nội bộ[118]

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của VAB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

   a) Cổ đông với VAB; hoặc

   b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của VAB.

   Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (Ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong thời hạn 06 (Sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Trọng tài, Toà án sẽ do Trọng tài, Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 112. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc[119]

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 01% (Một phần trăm) số Cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 (Sáu) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh VAB khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

   a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý VAB theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật;

[118] Điều 55 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC;
[119] Điều 161 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ VAB hoặc nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VAB để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của VAB để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh VAB sẽ tính vào chi phí của VAB, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

CHƯƠNG XXII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 113. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của VAB chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VAB.

Điều 114. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ được lập thành 06 (sáu) bản gốc, có giá trị như nhau, trong đó:

   a) 01 (Một) bản gốc nộp cho NHNN Việt Nam;

   b) 01 (Một) bản gốc nộp cho NHNN Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hà Nội;

   c) 01 (Một) bản gốc đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội;

   d) 01 (Một) bản gốc nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

   e) 02 (hai) bản gốc lưu trữ tại Trụ sở chính VAB.

2. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ VAB có giá trị khi được sao y trích lục theo quy định nội bộ về công tác văn thư của VAB và quy định pháp luật.

3. Người quản lý, Người điều hành và các chức danh khác của VAB đã được bầu, bổ nhiệm trước ngày 15/01/2018 mà không đáp ứng quy định của Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 17/2017/QH14 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn bổ nhiệm.

4. Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên năm 2020 của Ngân hàng TMCP Việt Á thông qua ngày 20/06/2020 và thay thế tất các bản Điều lệ được ban hành trước đây của Ngân hàng TMCP Việt Á. Điều lệ này có hiệu lực vào ngày 20/06/2020.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

M.S.D.N: 0302963695 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á - Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

PHƯƠNG HỮU VIỆT